

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009



**CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL**

Thành viên của Horwath International

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000308 ngày 24 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 08 năm 2009.

Trụ sở được đặt tại KP3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.623.500.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2009 gồm:

- Xí nghiệp May Công nghiệp đặt tại Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp Kho vận & Thương mại Dịch vụ An Bình; KCN Biên Hòa 1, P. An Bình;
- Xí nghiệp Ván ép Tân Mai - Ấp Thái Hòa, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp Gỗ Xuất Khẩu Tân Mai, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp may Đồng Thịnh, KP2 P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Xây dựng Thống Nhất, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến gỗ: ván ép, ván dăm, hàng mộc tinh chế;
- May công nghiệp;
- Mua bán, đại lý kỹ gửi xăng dầu, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Mua bán gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp).

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quý Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tử Mục	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Sơ	Thành viên
Ông Quách Văn Đức	Thành viên
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

---

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Quý Hồng	Giám đốc
Ông Phạm Văn Sơ	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trí	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Giám đốc
Bà An Thị Phượng	Phó Giám đốc

### 3. **Tình hình kinh doanh năm 2009**

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. **Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. **Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

*(Phần tiếp theo ở trang 3)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

---

### 6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

*Biên Hòa, ngày 30 tháng 03 năm 2010*



**LÊ QUÝ HỒNG**

Số: 10.213/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2010

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

  


**TANG QUỐC THẮNG**

Chứng chỉ KTV số Đ. 0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**

Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>63.051.093.273</b>	<b>64.407.303.257</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>26.619.946.135</b>	<b>5.040.932.872</b>
1. Tiền	111		26.619.946.135	5.040.932.872
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>16.935.434.529</b>	<b>30.944.180.513</b>
1. Phải thu khách hàng	131		10.898.029.281	17.705.080.243
2. Trả trước cho người bán	132		7.312.837.411	7.908.279.372
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2.221.887.669	7.444.041.468
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.497.319.832)	(2.113.220.570)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.595.115.764</b>	<b>25.870.906.298</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>5.3</b>	18.781.692.534	27.369.272.766
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.186.576.770)	(1.498.366.468)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.900.596.845</b>	<b>2.551.283.574</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>5.4</b>	344.431.789	265.139.140
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	544.170.564
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>5.5</b>	1.556.165.056	1.741.973.870

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>81.041.004.157</b>	<b>54.288.979.043</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.694.011.633</b>	<b>40.726.686.617</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	55.511.023.047	38.726.686.617
- Nguyên giá	222		106.751.115.434	86.489.635.898
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.240.092.387)	(47.762.949.281)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	12.182.988.586	2.000.000.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>1.723.047.150</b>	<b>1.961.025.779</b>
- Nguyên giá	241		4.769.201.859	4.769.201.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.046.154.709)	(2.808.176.080)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>3.417.900.000</b>	<b>3.115.578.200</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.417.900.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	4.029.578.200
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(914.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.206.045.374</b>	<b>8.485.688.447</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	8.122.764.247	8.398.893.242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	83.281.127	86.795.205
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>144.092.097.430</b>	<b>118.696.282.300</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81.734.862.013</b>	<b>57.737.204.244</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.328.045.116</b>	<b>57.340.511.835</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	19.777.709.240	9.400.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.13	3.770.540.950	4.667.880.928
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	12.963.728.652	12.166.057.458
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.930.519.812	710.633.732
5. Phải trả người lao động	315	5.15	12.863.409.113	9.280.768.264
6. Chi phí phải trả	316		352.356.728	444.388.413
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.16	19.669.780.621	20.670.783.040
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.406.816.897</b>	<b>396.692.409</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	10.192.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		214.816.897	396.692.409
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>62.357.235.417</b>	<b>60.959.078.056</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>59.846.441.896</b>	<b>59.239.777.532</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.772.514.476	10.799.910.580
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.757.525.650	1.316.366.952
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		411.500.000	500.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		281.401.771	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.510.793.521</b>	<b>1.719.300.524</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		2.510.793.521	1.719.300.524
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>144.092.097.430</b>	<b>118.696.282.300</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	151.294.321.169	223.619.435.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.1	459.982.118	660.302.860
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		150.834.339.051	222.959.132.266
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	126.289.832.059	189.891.602.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 -11 )	20		24.544.506.992	33.067.530.140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.104.587.339	3.226.323.782
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.060.277.707	2.765.928.184
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.536.611.186</i>	<i>840.114.014</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.486.398.056	7.398.469.508
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.419.115.765	15.424.140.814
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		3.683.302.803	10.705.315.416
11. Thu nhập khác	31	6.5	15.384.671.258	2.493.156.030
12. Chi phí khác	32	6.6	7.698.195.613	1.963.882.640
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.686.475.645	529.273.390
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.369.778.448	11.234.588.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.543.090.412	1.058.298.651
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.514.078)	(38.624.179)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.823.173.958	10.214.914.334
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.892	2.191

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

*Biên Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2010*



**LÊ QUÝ HỒNG**

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		11.369.778.448	11.234.588.806
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.737.738.669	5.945.041.425
Các khoản dự phòng	03		158.309.564	1.067.771.763
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(181.653.006)	33.533.437
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		391.466.963	(1.727.086.289)
Chi phí lãi vay	06		1.536.611.186	840.114.014
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20.012.251.824</b>	<b>17.393.963.156</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.460.044.464)	(8.825.560.223)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.587.580.232	(7.464.602.422)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(11.386.088.091)	9.512.441.912
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		196.836.346	(11.661.707.949)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.125.522.470)	(840.114.014)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.391.871.540)	(791.079.289)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		544.170.564	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.770.983.145)	(2.663.478.223)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.206.329.256</b>	<b>(5.340.137.052)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>21</b>		(24.049.943.326)	(7.696.773.294)
<b>2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>22</b>		15.270.500.000	2.024.252.357
<b>3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>23</b>		-	-
<b>4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</b>	<b>24</b>		-	-
<b>5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>25</b>		-	(4.029.578.200)
<b>6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>26</b>		4.029.028.200	2.763.568.000
<b>7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</b>	<b>27</b>		374.929.893	1.887.462.691
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.375.485.233)</b>	<b>(5.051.068.446)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		55.841.455.240	41.401.775.215
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.271.746.000)	(37.416.163.462)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.821.540.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.748.169.240</b>	<b>3.985.611.753</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>21.579.013.263</b>	<b>(6.405.593.745)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.040.932.872</b>	<b>11.536.831.541</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(90.304.924)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>26.619.946.135</b>	<b>5.040.932.872</b>

Biên Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH THỊ THANH VÂN



LÊ QUÝ HỒNG

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

*Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000308 ngày 24 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 08 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KP3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.623.500.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2009 gồm:

- Xí nghiệp May Công nghiệp đặt tại Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp Kho vận & Thương mại Dịch vụ An Bình; KCN Biên Hòa 1, P. An Bình;
- Xí nghiệp Ván ép Tân Mai - Ấp Thái Hòa, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp Gỗ Xuất Khẩu Tân Mai, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp may Đồng Thịnh, KP2 P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- Xí nghiệp Xây dựng Thống Nhất, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai.

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến gỗ: ván ép, ván dăm, hàng mộc tinh chế;
- May công nghiệp;
- Mua bán, đại lý ký gửi xăng dầu, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Mua bán gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp).

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	3 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
+ Tài sản khác	5 – 12 năm

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời



# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ của Công ty.

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.10. Thuế

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Căn cứ Công văn số 830/CT-DN2 của Cục thuế Tỉnh Đồng Nai ngày 10 tháng 05 năm 2006 về việc “Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp”, Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu cổ phần hóa (từ ngày 01/03/2006), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **4.11. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### **4.12. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

*(Phần tiếp theo ở trang 17)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	298.671.400	550.576.272
Tiền gửi ngân hàng	26.321.274.735	4.490.356.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.619.946.135</b>	<b>5.040.932.872</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	10.898.029.281	17.705.080.243
Trả trước cho người bán	7.312.837.411	7.908.279.372
Các khoản phải thu khác	2.221.887.669	7.444.041.468
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>20.432.754.361</b>	<b>33.057.401.083</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.497.319.832)	(2.113.220.570)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>16.935.434.529</b>	<b>30.944.180.513</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng ở Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	3.904.388.877	4.800.832.749
Phân xưởng Veneer	-	1.518.634.084
Xí nghiệp Gỗ Hồ Nai	1.773.657.305	1.773.657.305
Xí nghiệp Ván ép	2.575.015.351	2.240.289.347
Xí nghiệp May Công nghiệp	174.796.023	199.324.955
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	1.604.108.786	7.172.341.803
Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu	866.062.939	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.898.029.281</b>	<b>17.705.080.243</b>

Khoản phải thu khách hàng ở Xí nghiệp Gỗ Hồ Nai là khoản phải thu Ông SHIN MYUNG CHUL về tiền hàng chưa thanh toán của Công ty I-Rhe Wood Kor Co., Ltd.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản trả trước người bán ở Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	5.725.688.483	7.018.100.000
Xí nghiệp Ván ép	273.489.561	859.840.185
Xí nghiệp May Công nghiệp	1.306.879.367	30.339.187
Xí nghiệp may Đồng Thịnh	6.780.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.312.837.411</b>	<b>7.908.279.372</b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>
<b>Phải thu khác tại Văn phòng Công ty</b>	
Phải thu của Ông Phan Trung Kiên	157.500.000
Phải thu của Ông Hà Như Phong	408.638.640
Phải thu của Ông Phan Gia Long	57.000.000
Phải thu Nguyễn Hữu Hiệp	17.420.000
Tiền cổ tức tạm chia	793.130.000
Phải thu khác	567.001
<b>Phải thu khác tại Xí nghiệp Hồ Nai</b>	
Phải thu của Ông Nguyễn Minh Đức	699.155.387
<b>Phải thu khác tại Xí nghiệp Đồng Thịnh</b>	
Phải thu tiền ứng để thanh toán viện phí CNV	77.450.000
Phải thu tiền ứng chi phí xuất hàng	9.843.034
Phải thu khác	1.183.607
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.221.887.669</b>

Khoản phải thu tại Xí nghiệp Hồ Nai là khoản phải thu Ông Nguyễn Minh Đức do việc kinh doanh không hiệu quả dẫn đến lỗ trong năm tài chính 2006 theo quyết định của Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai số 06/NQ-GTM ngày 08/09/2006.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.3. Hàng tồn kho**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.063.022.246	5.561.727.967
Công cụ, dụng cụ	320.604.260	256.285.826
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.153.951.831	8.159.255.831
Thành phẩm	10.199.561.419	13.337.697.462
Hàng hóa	44.552.778	54.305.680
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>18.781.692.534</b>	<b>27.369.272.766</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.186.576.770)	(1.498.366.468)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>17.595.115.764</b>	<b>25.870.906.298</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng – VP Công ty	34.116.413	16.180.952
Phí làm thẻ hội viên – Văn phòng Công ty	-	28.200.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng – XN Ván ép	92.345.745	89.785.907
Chi phí sửa chữa nhà xưởng – Kho Vận	-	19.052.800
Chi phí bao bì – XN May Công nghiệp	130.222.468	111.919.481
Chi phí bảo hiểm – XN Đồng Thịnh	87.747.163	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>344.431.789</b>	<b>265.139.140</b>

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tạm ứng	1.556.165.056	1.741.973.870
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.556.165.056</b>	<b>1.741.973.870</b>

Chi tiết các khoản tạm ứng tại Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	89.231.416	1.492.751.697
Xí nghiệp May Công nghiệp	181.454.209	179.730.588
Xí nghiệp Ván ép	30.028.600	24.948.066
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	8.000.000	44.543.519
Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu	1.247.450.831	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.556.165.056</b>	<b>1.741.973.870</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009  
*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	29.647.956.978	47.689.404.567	3.718.630.578	755.760.748	4.677.883.027	86.489.635.898
Mua trong năm	13.747.395.049	7.901.841.046	2.400.707.231	-	-	24.049.943.326
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.473.277.190)	(315.186.600)	-	-	(3.788.463.790)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.395.352.027</b>	<b>52.117.968.423</b>	<b>5.804.151.209</b>	<b>755.760.748</b>	<b>4.677.883.027</b>	<b>106.751.115.434</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	18.544.400.157	23.716.451.436	1.183.502.795	486.841.164	3.831.753.729	47.762.949.281
Khấu hao trong năm	1.405.769.796	4.292.146.369	522.064.416	39.065.219	240.714.240	6.499.760.040
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.707.430.334)	(315.186.600)	-	-	(3.022.616.934)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.950.169.953</b>	<b>25.301.167.471</b>	<b>1.390.380.611</b>	<b>525.906.383</b>	<b>4.072.467.969</b>	<b>51.240.092.387</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	11.103.556.821	23.972.953.131	2.535.127.783	268.919.584	846.129.298	38.726.686.617
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>23.445.182.074</b>	<b>26.816.800.952</b>	<b>4.413.770.598</b>	<b>229.854.365</b>	<b>605.415.058</b>	<b>55.511.023.047</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình khu Thạnh Phú	10.182.988.586	-
Chi phí mua đất	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.182.988.586</b>	<b>2.000.000.000</b>

Chi phí mua đất là tiền mua đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 63/HĐ-GTM ngày 20 tháng 06 năm 2007 và phụ kiện hợp đồng số 127/PKHD63-GTM ngày 05/10/2007.

### 5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	4.769.201.859	4.769.201.859
Tăng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.769.201.859</b>	<b>4.769.201.859</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	2.808.176.080	2.808.176.080
Khấu hao trong năm	237.978.629	237.978.629
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.046.154.709</b>	<b>3.046.154.709</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.961.025.779	1.961.025.779
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.723.047.150</b>	<b>1.723.047.150</b>

### 5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	3.417.900.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	4.029.578.200
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>3.417.900.000</b>	<b>4.029.578.200</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(914.000.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>3.417.900.000</b>	<b>3.115.578.200</b>

Khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Đồng Nai. Công ty đã mua lại 341.790 cổ phần tương đương với 54,25%.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	8.398.893.242	319.294.761
Tăng trong năm	731.778.453	9.332.103.602
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	(1.007.907.448)	(1.043.210.360)
Giảm khác	-	(209.294.761)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.122.764.247</b>	<b>8.398.893.242</b>

Chi tiết số dư cuối năm của chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Cuối năm
Lợi thế thương mại	7.465.682.882
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	373.712.975
Chi phí chờ phân bổ	283.368.390
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.122.764.247</b>

**5.11. Tài sản thuế hoãn lại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	86.795.205	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	83.281.127	86.795.205
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(86.795.205)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.281.127</b>	<b>86.795.205</b>

Chi tiết như sau:

	Năm nay
Chi phí trích trước (chi phí điện, chi phí khám sức khỏe, ...)	352.356.728
Doanh thu cho thuê kho chưa thực hiện	480.454.538
<b>Tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>	<b>832.811.266</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Công văn số 830/CT-DN2 của Cục thuế Tỉnh Đồng Nai ngày 10 tháng 05 năm 2006 về việc "Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp"	50%
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>	<b>83.281.127</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.12. Vay ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngân hàng	13.846.000.000	9.400.000.000
Vay cá nhân	5.931.709.240	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.777.709.240</b>	<b>9.400.000.000</b>

Khoản vay ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 20090057/KH2/NHNT ký ngày 08 tháng 06 năm 2009 với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn (theo từng giấy nhận nợ), thế chấp bằng tài sản công ty với giá trị là 26.341.000.000 đồng và các L/C mở tại Ngân hàng để nhập hàng gỗ kinh doanh.

**5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả người bán	3.770.540.950	4.667.880.928
Người mua trả tiền trước	12.963.728.652	12.166.057.458
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.734.269.602</b>	<b>16.833.938.386</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	252.498.200	455.886.483
Phân xưởng Veneer	-	197.949.974
Phân xưởng Mộc	-	40.699.440
Xí nghiệp Ván ép	616.460.351	1.948.376.694
Xí nghiệp May Công nghiệp	2.352.761.611	1.596.515.320
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	548.820.788	428.453.017
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.770.540.950</b>	<b>4.667.880.928</b>

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	-	11.000.000.000
Xí nghiệp Ván ép	26.237.930	45.183.960
Xí nghiệp May Công nghiệp	11.258.137.417	670.990.071
Kho vận	49.478.312	26.319.791
Xí nghiệp may Đồng Thịnh	1.041.467.362	-
Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu	107.953.093	-
Doanh thu chưa thực hiện – Tiền thuê kho số 14 từ 23/12/2008 đến 23/06/2009	308.203.631	115.360.000
Doanh thu chưa thực hiện – Tiền thuê kho số 15 và 16 từ ngày 01/01/2009 đến 30/04/2009	144.199.998	308.203.636
Doanh thu chưa thực hiện – Tiền cho thuê mặt bằng (Công ty dầu nhờn)	28.050.909	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.963.728.652</b>	<b>12.166.057.458</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Nội dung	Số còn phải nộp đầu kỳ	Đã nộp trong kỳ	Phải nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
Thuế GTGT	20.391.362	3.802.202.458	3.960.959.288	179.148.192
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.727.873.305	1.727.873.305	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	152.097.359	152.097.359	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	586.768.064	1.391.871.540	2.543.090.412	1.737.986.936
Thuế thu nhập cá nhân	103.474.306	150.229.193	60.139.571	13.384.684
Thuế nhà đất nộp thừa (thu lại)	(544.170.564)	-	544.170.564	-
Thuế nhà đất	-	169.323.150	169.323.150	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>166.463.168</b>	<b>7.400.597.005</b>	<b>9.164.653.649</b>	<b>1.930.519.812</b>

**5.15. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương dự phòng .

**5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	358.111.402	282.497.220
Cổ tức năm 2009 chưa chi trả	5.594.820.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.716.849.219	20.388.285.820
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.669.780.621</b>	<b>20.670.783.040</b>

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	31/12/2009
Khoản phải trả Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Mỹ Hưng từ việc thu hộ tiền góp vốn của Công ty TNHH XD – TM Việt Thuận Thành theo biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh khu dân cư cao tầng tại khu vực P. Thống Nhất – Biên Hòa – Đồng Nai	9.925.000.000
Phải trả Cửa hàng xăng dầu	108.175.914
Thuế thu nhập nộp hộ	57.914.038
Quỹ trách nhiệm xã hội, quỹ đền ơn	27.217.742
Tạm thu phí đào tạo công nhân	22.506.937
Thu hộ tiền đoàn phí công đoàn	15.900.000
Thu hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa	34.543.875
- Quỹ trách nhiệm xã hội	82.282.623
- Thuế thu nhập cá nhân	25.408.090
- Phải trả TCty CN TP ĐN – Nhượng bán cổ phiếu Cty CP Chế biến hàng XK	3.417.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.716.849.219</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

### 5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.242.000.000	-
Vay quỹ đầu tư	7.950.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.192.000.000</b>	<b>-</b>

- Vay ngân hàng Ngoại Thương theo IHD số 20090086/KH2/NHNT ngày 24/08/2009. Mục đích vay để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị, thời hạn vay là 48 tháng, thế chấp bằng máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ vốn vay theo hợp đồng tín dụng của dự án đầu tư phát triển theo hợp đồng này. Tài sản này tọa lạc tại địa chỉ: Lô B2, Cụm Công nghiệp Thạnh Phú – Thiệu Tân - Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Vay quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng 92/2009/HĐTD/ĐT. Mục đích vay: là mua lại nhà xưởng sản xuất ván ép, dầm bào, ván veneer. Thời hạn vay: 62 tháng

### 5.18. Vốn chủ sở hữu

#### 5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	46.623.500.000	10.533.340.697	-	57.156.840.697
Tăng vốn trong năm trước	-	2.182.936.835	-	2.182.936.835
Lợi nhuận sau thuế trong năm trước	-	-	10.214.914.334	10.214.914.334
Giảm vốn năm trước	-	(100.000.000)	(3.649.582.334)	(3.749.582.334)
Giảm khác năm trước	-	-	(38.042.000)	(38.042.000)
Chia cổ tức	-	-	(6.527.290.000)	(6.527.290.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>12.616.277.532</b>	<b>-</b>	<b>59.239.777.532</b>
Trích các quỹ trong năm	-	1.182.317.396	(2.946.952.188)	(1.764.634.792)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	8.823.173.958	8.823.173.958
Tăng khác năm nay	-	-	-	10.000.000
Giảm vốn năm nay	-	(468.554.802)	-	(468.554.802)
Giảm khác năm nay	-	(388.500.000)	-	(388.500.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.594.820.000)	(5.594.820.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>12.941.540.126</b>	<b>281.401.770</b>	<b>59.846.441.896</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm
Vốn góp của Nhà nước	70,14%	32.695.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29,86%	13.928.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>46.623.500.000</b>

### 5.18.3. Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.662.350	4.662.350

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

### 5.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi/Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	8.823.173.958	10.214.914.334
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.662.350	4.662.350
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>1.892</b>	<b>2.191</b>

### 5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	8.823.173.958	10.214.914.334
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(441.158.698)	(1.149.614.086)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(441.158.698)	(733.322.749)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.764.634.792)	(1.466.645.499)
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	(5.594.820.000)	(6.527.290.000)
Nộp phạt truy thu thuế	-	(38.042.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>281.401.770</b>	<b>-</b>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	151.294.321.169	223.619.435.126
Giảm giá hàng bán	(362.793.758)	-
Hàng bán bị trả lại	(97.188.360)	(660.302.860)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>150.834.339.051</b>	<b>222.959.132.266</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	126.288.881.057	189.077.846.499
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	951.002	813.755.627
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.289.832.059</b>	<b>189.891.602.126</b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	394.445.230	326.452.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.561.009.834
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	796.142.109	696.848.971
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	914.000.000	-
Lãi từ mua bán ngoại tệ	-	569.999.660
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	72.012.460
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.104.587.339</b>	<b>3.226.323.782</b>

#### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.536.611.186	840.114.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	341.256.315	1.059.684.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	181.653.006	33.533.437
Lỗ từ việc chuyển nhượng góp vốn liên doanh	-	566.032.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	246.831.400
Chi phí hoạt động tài chính khác	757.200	19.732.887
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.060.277.707</b>	<b>2.765.928.184</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	-	169.854.490
Nhập tiết kiệm hàng và nhập hàng thừa, thiếu	-	118.175.535
Xử lý công nợ phải thu, phải trả	86.465.711	90.050.633
Thu nhập từ bán phế liệu, cân xe	-	47.797.774
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	15.270.500.000	2.024.252.357
Thu nhập khác	27.705.547	43.025.241
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.384.671.258</b>	<b>2.493.156.030</b>

### 6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.605.573.811	1.618.596.759
Bổ sung tiền thuế đất theo BBKT của Cục thuế tỉnh Đồng Nai	-	113.402.020
Thù lao Hội đồng quản trị	-	94.400.000
Chi phí khác	92.621.802	137.483.861
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.698.195.613</b>	<b>1.963.882.640</b>

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả	3.417.900.000	-

Khoản phải trả này là khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai về tiền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Đồng Nai.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay
Thù lao Hội đồng quản trị	176.000.000
Lương Giám đốc	331.183.357
Lương các nhân viên chủ chốt khác	1.060.329.035
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.567.512.392</b>

### 8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

---

**9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 12 tháng 03 năm 2010.

*Biên Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2010*

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

**GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUY HỒNG**